TRƯỜNG TIỂU HỌC ..... *Thứ ..... ngày ..... tháng ..... năm 20.....*

Họ và tên: .....

Lớp: 1 .....

PHIẾU ÔN TẬP HỌC KÌ I
MÔN TOÁN – KHỐI 1
PHIẾU SỐ 43

Thời gian làm bài: 30 phút

PHẦN 1. TRẮC NGHIỆM *(Khoanh vào chữ cái đặt trước câu trả lời đúng)*

Câu 1. Các số 4, 0, 9, 10 được sắp xếp theo thứ tự từ lớn đến bé là:

A. 10, 9, 4, 0 **B.** 4, 9, 0, 10 **C.** 10, 0, 9, 4 **D.** 4, 10, 0, 9

Câu 2. Kết quả của phép tính 9 + 1 là:

A. 9 **B.** 7 **C.** 8 **D.** 10

Câu 3. Trong hình dưới đây có bao nhiêu hình tam giác?

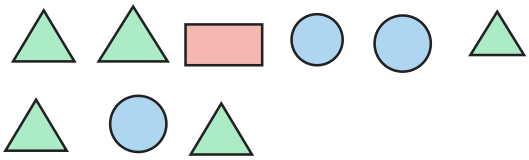

A. 5 **B.** 8 **C.** 3 **D.** 4

Câu 4. Nhìn hình dưới đây, hình ở ngay bên phải hình vuông là hình nào?

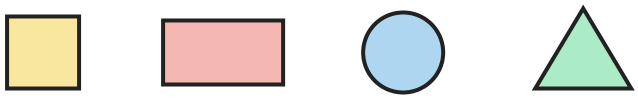

A. Hình vuông **B.** Hình tam giác

C. Hình chữ nhật **D.** Hình tròn

Câu 5. Dưới ao có 8 con vịt. Có 5 con vịt lên bờ. Dưới ao còn lại bao nhiêu con vịt?

A. 3 con vịt **B.** 0 con vịt **C.** 6 con vịt **D.** 5 con vịt

Câu 6. Dấu thích hợp điền vào chỗ chấm: 10 ……. 6 + 4

A. < **B.** > **C.** =

PHẦN 2. TỰ LUẬN *(Học sinh trình bày lời giải)*

Bài 1. Đúng ghi Đ, sai ghi S:

a) 8 − 2 = 6	
b) 1 − 0 = 0	
c) 8 − 0 = 8	
d) 6 − 6 = 0	

Bài 2. Cho các số: 1, 7, 9, 10.

a) Viết các số theo thứ tự từ bé đến lớn: ..... ; ..... ; ..... ; .....

b) Viết các số theo thứ tự từ lớn đến bé: ..... ; ..... ; ..... ; .....

Bài 3. Số?

a) ..... + 1 = 8

b) 6 − ..... = 2

c) 6 = 1 + ...

d) 5 = 3 + ...

Bài 4. Quan sát hình rồi viết số thích hợp vào chỗ chấm:

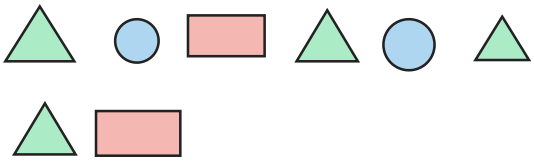

a) Có ..... hình tam giác.

b) Có ..... hình tròn.

c) Có ..... hình chữ nhật.

Bài 5. Điền dấu >, <, = thích hợp vào chỗ chấm:

a) 0 10

b) 4 + 4 8

c) 6 + 4 10

d) 7 ..... 7 − 1

Bài 6. Có 9 quả bóng bay, các quả bị gạch chéo đã bay mất. Viết phép tính thích hợp với hình rồi trả lời.

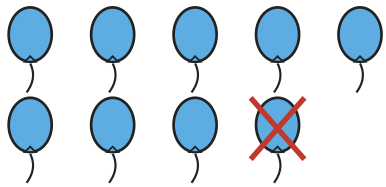

a) Phép tính: ..... − ..... = ...

b) Còn lại ..... quả bóng bay.

HẾT

ĐÁP ÁN VÀ HƯỚNG DẪN CHẤM

Phiếu ôn tập học kì I Toán lớp 1 · Phiếu số 43

Phần 1. Trắc nghiệm

Câu	1	2	3	4	5	6
Đáp án	A	D	A	C	A	C

Phần 2. Tự luận

Bài 1.

a) Đ; b) S; c) Đ; d) Đ

Bài 2.

a) Từ bé đến lớn: 1, 7, 9, 10.

b) Từ lớn đến bé: 10, 9, 7, 1.

Bài 3.

a) $7 + 1 = 8$

b) $6 - 4 = 2$

c) $6 = 1 + 5$

d) $5 = 3 + 2$

Bài 4.

a) Có 4 hình tam giác.

b) Có 2 hình tròn.

c) Có 2 hình chữ nhật.

Bài 5.

a) $0 < 10$

b) $4 + 4 = 8$

c) $6 + 4 = 10$

d) $7 > 7 - 1$

Bài 6.

a) $9 - 1 = 8$

b) Còn lại 8 quả bóng bay.